

PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN SINH

1. Số phiếu: (Thí sinh không ghi mục này, trường sẽ đánh số khi thu phiếu)
2. Đăng ký học: Trình độ: (Ghi rõ đăng ký học nghề là: Cao đẳng hay Trung cấp)
3. Tên trường đăng ký vào học: **Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông Nghiệp Quảng Bình**
Nguyện vọng thứ nhất: ngành.....
Nguyện vọng thứ hai: ngành.....
4. Họ và tên của thí sinh:.....**Giới tính:** (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)
(ghi đầy đủ họ tên, chữ lót bằng chữ in hoa, đúng như trong giấy khai sinh)
5. Ngày, tháng, năm sinh:
{02 ô đầu ghi ngày sinh, 02 ô giữa ghi tháng, 02 ô cuối ghi hai số cuối của năm sinh}
6. Dân tộc: (ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm):
7. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ số nhà, đường, phố, thôn, bản, xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).....
.....
.....
8. Nơi học tập từng năm học THCS hoặc THPT hoặc tương đương:.....
.....
.....
.....
9. Năm tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương:
10. Nơi tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương: {ghi rõ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương)}
.....
11. Trong các năm học THCS hoặc THPT hoặc tương đương: (Ở khu vực nào lâu hơn thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó) KV1; KV2-NT; KV2; KV3;
12. Thuộc đối tượng ưu tiên: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07
(thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào số đó và ghi số đó vào hai ô, nếu không thì để trống)
13. Giấy chứng minh nhân dân số: (ghi mỗi số vào 1 ô)
14. Gửi giấy báo kết quả (xét tuyển; dự thi; trúng tuyển) cho:
Địa chỉ:

Điện thoại liên lạc:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai của tôi trên phiếu đăng ký này là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Nhà trường.

Ngày ... tháng năm 20.....

Chữ ký của thí sinh

XÁC NHẬN NGƯỜI KHAI PHIẾU NÀY

Đang công tác tại.....

Hoặc đang thường trú tại xã, phường:.....

(Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, xã, phường hoặc trưởng công an xã, phường ký tên và đóng dấu có phần giáp lai trên ảnh)

Ngày ... tháng ... năm 20.....

ảnh
4 x 6

TRÍCH CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN THEO ĐỐI TƯỢNG

(Theo phụ lục 01/Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

Đối tượng 03: Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ tháng 12 trở lên tại khu vực 1;...

Đối tượng 04: Con liệt sĩ; con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;...

Nhóm ưu tiên 2 (UT 2) gồm các đối tượng:

Đối tượng 05: Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;...

Đối tượng 06: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở vùng ngoài khu vực đó quy định thuộc đối tượng 01;...

Đối tượng 07: Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y Tế, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;...

Chú ý: Người thuộc nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng chế độ ưu tiên cao nhất.

BẢNG PHÂN CHIA CÁC KHU VỰC TUYỂN SINH

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT/THCS hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định hiện hành.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2- NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.